

Số: 121/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng
Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học
ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam của Trường Đại học Hà Nội

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1257/QĐ-KĐCL ngày 05/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-KĐCL ngày 04/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXX của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 750/QĐ-KĐCL ngày 04/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục Phiên XXX;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam của Trường Đại học Hà Nội, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXX ngày 28/9/2024 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam (sau đây gọi là Chương trình đào tạo) của Trường Đại học Hà Nội của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Chương trình đào tạo và đã được Nhà trường đồng thuận.

Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo cho thấy số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 47 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm 94%, trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” (chi tiết trong *Phụ lục I*).

2. Kiến nghị Trường Đại học Hà Nội và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 23, Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cho Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam của Trường Đại học Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TIẾNG VIỆT VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 121/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt
Tiêu chuẩn 1					Tiêu chuẩn 7				
Tiêu chí 1.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 7.1	4	4.00	5	100%
Tiêu chí 1.2	3				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4				Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chuẩn 2				Tiêu chí 7.4	4				
Tiêu chí 2.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	4				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4				Tiêu chí 8.1	4	4.40	5	100%
Tiêu chuẩn 3				Tiêu chí 8.2	4				
Tiêu chí 3.1	4	3.67	2	66.67%	Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	4				Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 3.3	3				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4									
Tiêu chí 4.1	4	4.00	3	100%	Tiêu chuẩn 9				
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.1	4	4.40	5	100%
Tiêu chí 4.3	4				Tiêu chí 9.2	5			
Tiêu chuẩn 5				Tiêu chí 9.3	5				
Tiêu chí 5.1	4	4.20	5	100%	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.2	5				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.3	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.1	4	4.00	6	100%
Tiêu chí 5.5	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chuẩn 6				Tiêu chí 10.3	4				
Tiêu chí 6.1	4	4.00	7	100%	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.2	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.1	4	3.80	4	80%
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.7	4				Tiêu chí 11.3	4			
		Tiêu chí 11.4	3						
		Tiêu chí 11.5	4						
Đánh giá chung CTĐT		Số tiêu chí đạt			Tỉ lệ số tiêu chí đạt				
		47			94%				


Phụ lục II
CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG ĐỐI VỚI
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH TIẾNG VIỆT VÀ VĂN HÓA VIỆT NAM
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ NỘI

(Kèm theo Nghị quyết số: 121/NQ-HĐKĐCL ngày 30 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam (CTĐT) của Trường Đại học Hà Nội đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá chất lượng đối với CTĐT giai đoạn 2019-2023 cho thấy có những điểm mạnh sau đây:

Mục tiêu của CTĐT rõ ràng, được rà soát, cập nhật phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học. Bản mô tả CTĐT và đề cương học phần có đủ các thông tin theo quy định, được điều chỉnh, cập nhật và công khai đến các bên liên quan; đề cương chi tiết học phần được điều chỉnh về cấu trúc và nội dung. Chương trình dạy học được thiết kế tiếp cận theo chuẩn đầu ra của CTĐT theo định hướng ứng dụng; tổ hợp các phương pháp giảng dạy - học tập, kiểm tra đánh giá được thiết kế khá phù hợp với chuẩn đầu ra. Triết lý giáo dục được Nhà trường xây dựng và công bố công khai đến các bên liên quan; hoạt động dạy-học đa dạng, phù hợp với chuẩn đầu ra hoạt động thực hành, thực tế, trải nghiệm, thực tập nghề nghiệp giúp người học rèn luyện các kỹ năng thiết yếu được chú trọng. Phương pháp kiểm tra đánh giá được thiết kế đa dạng, phù hợp, được hướng dẫn cụ thể và công khai, phổ biến đến người học. Công tác quy hoạch, bồi dưỡng phát triển đội ngũ giảng viên, nhân viên được thực hiện; năng lực giảng dạy và nghiên cứu khoa học của giảng viên đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo; kết quả thực hiện công việc được quản trị, đánh giá và ghi nhận. Chính sách, quy định về tuyển sinh rõ ràng, cập nhật và phù hợp; hoạt động tư vấn học tập và dịch vụ hỗ trợ người học được quan tâm; môi trường tâm lý, xã hội và môi trường sư phạm thân thiện, lành mạnh. Cơ sở vật chất và trang thiết bị thực hành, thư viện được quan tâm đầu tư đáp ứng tốt yêu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được thiết lập, thông tin phản hồi được sử dụng để cải tiến CTĐT và chất lượng dịch vụ. Tỷ lệ người học tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học và tỷ lệ có việc làm được quan tâm xác lập, giám sát và cải thiện đạt kết quả cao. Người học có việc làm thu nhập cao ở môi trường làm việc đa dạng, chủ yếu là các doanh nghiệp nước ngoài. Nhà sử dụng lao động hài lòng về năng lực của người học tốt nghiệp.

Tuy nhiên, CTĐT còn những lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường và đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát mục tiêu của CTĐT để thể hiện rõ hơn mức độ phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của trường; rà soát sự phù hợp giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu của CTĐT và đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam; chú trọng tham khảo ý kiến của các bên liên quan để cải tiến mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT.

M

2. Rà soát, cập nhật đầy đủ tài liệu học tập của đề cương học phần; tập huấn cho giảng viên về năng lực thiết kế hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; chú trọng việc hoàn thiện và công khai, phổ biến Bản mô tả CTĐT, đề cương học phần đến các bên liên quan.

3. Rà soát và cập nhật chương trình dạy học để đảm bảo cấu trúc hợp lý; rà soát, đánh giá mức độ phù hợp của một số học phần thay thế trong khối kiến thức giáo dục đại cương khi rà soát CTDH để đảm bảo tính hợp lý và sự đóng góp rõ ràng của các học phần này vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam theo quy định; điều chỉnh chương trình dạy học để đảm bảo tính logic trong tiến trình thực hiện, đồng thời tránh trùng lặp nội dung; thiết kế tổ hợp các phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá phù hợp để đo lường, đánh giá mức độ đạt được chuẩn đầu ra học phần, hướng tới đạt chuẩn đầu ra của CTĐT và phù hợp với đối tượng người học là người nước ngoài.

4. Có hướng dẫn chuyển tải triết lý giáo dục vào CTĐT; tăng cường đổi mới phương pháp dạy học để phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số; tăng cường ứng dụng các phần mềm trong giảng dạy và học tập; khai thác, ứng dụng AI trong thiết kế học liệu, thiết kế bài giảng dịch thuật và sử dụng công nghệ ảo 3D để giảng dạy các học phần liên quan tới du lịch, văn hóa, lịch sử; chú trọng hoạt động dạy học tích hợp rèn luyện cho người học năng lực học tập suốt đời.

5. Rà soát, cập nhật và đa dạng hóa các hoạt động kiểm tra đánh giá đảm bảo đánh giá được mức độ đạt chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT; tăng cường phổ biến, hướng dẫn quy định về đánh giá kết quả học tập tới người học là người nước ngoài để đảm bảo quyền lợi cho người học.

6. Có biện pháp tăng số giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ tại Khoa; có quy định và đánh giá các nhiệm vụ phục vụ cộng đồng của giảng viên; xây dựng và sử dụng các tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên theo năng lực để đào tạo, bồi dưỡng phát triển theo vị trí việc làm; tăng cường các khoá đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giảng viên đáp ứng yêu cầu giáo dục 4.0; có cơ chế đặc biệt thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đa dạng hoá các đề tài nghiên cứu; đẩy mạnh các nghiên cứu có tính liên ngành, ứng dụng cao, hợp tác nghiên cứu trong và ngoài nước về khoa học giáo dục, văn hoá và ngôn ngữ; thực hiện đối sánh các loại hình, số lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên để cải tiến.

7. Bổ sung nội dung về phát triển đội ngũ nhân viên trong Chiến lược phát triển Trường; xác lập các chỉ tiêu phát triển đội ngũ tinh gọn, phù hợp với giai đoạn chuyển đổi số và quản trị trường học thông minh; đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng nhân sự; hoàn thiện bộ chỉ báo năng lực để đánh giá đội ngũ cán bộ hỗ trợ theo đặc thù của vị trí việc làm và tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ theo nhu cầu vị trí việc làm; hoàn thiện chính sách thi đua, khen thưởng và ban hành quy định cụ thể về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng để tích hợp trong đánh giá, ghi nhận cho đội ngũ cán bộ và nhân viên phục vụ.

8. Thường xuyên thu thập thông tin và đánh giá nhu cầu nhân lực của ngành đào tạo để điều chỉnh chính sách và hoạt động tuyển sinh; xem xét tăng số đợt tuyển sinh để phù hợp với sự đa dạng nguồn vào từ nhiều nước trên thế giới; phân loại mức năng lực Tiếng Việt đầu vào để có giải pháp hỗ trợ giúp SV tốt nghiệp sớm; tăng cường sự tham gia của giảng viên và sinh

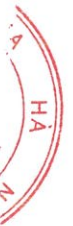
viên trong sự kiện truyền thông, giao lưu văn hóa; tăng cường hơn nữa các kênh thông tin, tư vấn, hỗ trợ đặc thù phù hợp hơn với đối tượng người học là người nước ngoài.

9. Có phương án mở rộng diện tích xây dựng để từng bước bố trí cho giảng viên có khu vực làm việc riêng theo Thông tư 03/2020/TT-BGDĐT và Thông tư 01/2024/TT-BGDĐT; bổ sung nguồn tài liệu số và có chính sách khuyến khích giảng viên biên soạn giáo trình, bài giảng điện tử, xuất bản học liệu; định kỳ khảo sát ý kiến của giảng viên, sinh viên về cơ sở vật chất và các dịch vụ hỗ trợ để có giải pháp cải tiến kịp thời; quan tâm hơn đến quản lý các phòng ở của sinh viên trong ký túc xá và bố trí phòng ở của sinh viên nam và sinh viên nữ hợp lý hơn; tiếp tục rà soát, đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, cải tiến chất lượng dịch vụ và hỗ trợ sinh viên.

10. Phân tích, lựa chọn sử dụng kết quả khảo sát các bên liên quan một cách khoa học hơn để cập nhật, điều chỉnh CTĐT; cập nhật đầy đủ các biểu mẫu hướng dẫn rà soát, chỉnh sửa CTĐT để các đơn vị đào tạo chủ động thực hiện; nghiên cứu xây dựng quy định và có hướng dẫn cụ thể về đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của CTĐT.

11. Quan tâm đối sánh với các CTĐT tương tự bên ngoài Trường về các chính sách liên quan, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, loại hình nghiên cứu khoa học và mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến; có các chính sách, cơ chế đặc thù trong thực tiễn để gia tăng chất lượng và số lượng hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên nước ngoài; xác lập và thực hiện quy trình, phương pháp, công cụ đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan; thường xuyên khảo sát tình hình việc làm của người học tốt nghiệp; xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp, liên thông và phần mềm đồng bộ để theo dõi, cập nhật và truy xuất, xử lý các thông tin hỗ trợ quản trị kết quả đầu ra và mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp tổng hợp. Nhà trường, đơn vị có chương trình đào tạo được đánh giá cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài chương trình đào tạo của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội.



Thu
